

TÌM HIỂU SỐ LƯỢNG ĐẢNG VIÊN Ở THỜI ĐIỂM THÀNH LẬP ĐẢNG

(qua một số văn kiện Đảng)

TS NGUYỄN ĐÌNH CẢ*

Vào thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, về số lượng đảng viên, phân bố sinh hoạt như thế nào trên bán đảo Đông Dương và trên đất nước Việt Nam, đến nay, một số cuốn sách đã đưa ra số liệu khác nhau. *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xuất bản năm 2006, đưa ra con số 310 đảng viên. *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất bản năm 2004, lại đưa ra con số 565 đảng viên.

Số liệu trong 2 cuốn giáo trình trên được trích dẫn ở hai văn bản: “Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản” ngày 18-2-1930 của Nguyễn Ái Quốc và *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương* của Hồng Thế Công (Hà Huy Tập) viết năm 1933. Cho đến nay, có thể coi đây là hai văn bản sớm nhất, trình bày khá chi tiết số lượng đảng viên trong thời điểm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong “Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản”, sau sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đề ngày 18-2-1930, Nguyễn Ái Quốc viết:

“Chúng tôi có:

Xiêm: 40 đảng viên chính thức và dự bị.

Bắc Kỳ: 204 đảng viên chính thức và dự bị.
 Nam Kỳ: 51 đảng viên chính thức và dự bị.
 Trung Quốc và nơi khác: 15 đảng viên chính thức và dự bị.

(Trung Kỳ thì ghép vào Bắc Kỳ và Nam Kỳ)¹.

Như vậy, khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tổng số đảng viên cả chính thức và dự bị là 310. Các số liệu đều chi tiết, cụ thể về số lượng và địa chỉ rõ ràng. Ngoài số đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam còn có hàng trăm đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc hoạt động ở Việt Nam. Trong văn bản này, Nguyễn Ái Quốc đưa ra một con số ước đoán: “có khoảng 200 đồng chí Trung Quốc”² ở Sài Gòn và một số đồng chí là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc hoạt động ở Bắc Kỳ.

Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương viết: “Các tổ chức sau đây gia nhập tập thể vào Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất: Đông Dương Cộng sản Đảng (85 đảng viên), An Nam Cộng sản Đảng (61 đảng viên), Tân Việt Cộng sản Liên đoàn (119 đảng viên) và phân bộ Đảng Cộng sản Tàu ở Đông Dương (300 đảng viên). Như vậy là khi thống nhất, Đảng có 565 đảng viên, phân ra làm 40 chi bộ.

Cần nói thêm là khi thống nhất, còn có 40 người cộng sản Đông Dương ở Xiêm và 14 ở Hồng Công”³.

* Học viện CT-HC Quốc gia Hồ Chí Minh

Đề cập đến số lượng và thành phần đảng viên, hai văn bản này đều nói đến một số lượng đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài: ở Xiêm là 40, Trung Quốc là 15 (“Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản”) và ở Xiêm là 40, Hồng Công là 14 (*Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương*). Như vậy, số lượng chỉ chênh nhau có 1 đảng viên.

Trong hai văn bản này đều đề cập đến một số lượng lớn các đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc hoạt động ở Đông Dương. Nhưng mỗi tài liệu có một cách đề cập khác nhau. Báo cáo gửi *Quốc tế Cộng sản* nêu số lượng đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc mà không nhập chung vào với số lượng đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đề cập về số lượng đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc trong báo cáo này với trách nhiệm của một cán bộ Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Trung Quốc. Tuy chưa thật cụ thể nhưng Nguyễn Ái Quốc đã dự đoán ở Nam Kỳ có khoảng 200 đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngoài ra còn có các đảng viên hoạt động ở Bắc Kỳ (Hà Nội, Hải Phòng, đường sắt Hà Nội - Vân Nam). Như vậy, số lượng đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương lớn hơn 200. Số liệu này gần tương đương với số liệu 300 trong *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương*. Khi thống kê số lượng đảng viên, Hà Huy Tập đã nhập đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc đang hoạt động tại Đông Dương vào số lượng đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam nên tổng số đảng viên lên đến 619 đồng chí. Vì vậy, số lượng đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam vào thời điểm thành lập Đảng là 319 đảng viên.

Một điểm nữa cần lưu ý là trong “Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản” có cả đảng viên chính thức và dự bị, trong *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương* thì không đề cập chi tiết mà chỉ nêu con số.

Từ việc phân tích và đánh giá các số liệu về số lượng đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam ở hai văn bản này, chúng ta thấy rằng sự chênh lệch về số lượng đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam ở thời kỳ thành lập Đảng trong hai văn bản này là do cách thống kê khác nhau. Thực chất, sự chênh lệch về số lượng 310 và 319 đảng viên là không lớn. Chúng ta có thể nhận định rằng: số lượng đảng viên ở vào thời điểm thành lập Đảng khoảng từ 310 đến 319.

Số liệu thống kê về số lượng đảng viên mà Nguyễn Ái Quốc - người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Hà Huy Tập - một trong số những đảng viên cộng sản đầu tiên đã đưa ra trong hai văn bản nêu trên là những căn cứ đáng tin cậy và có ý nghĩa trong công tác nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Về số lượng đảng viên đầu tiên của Đảng chính xác là bao nhiêu, thành phần xuất thân và quá trình hoạt động cách mạng của họ như thế nào, ngoài những đảng viên đầu tiên, tiêu biểu được ghi vào sử sách, đặt tên đường phố, trường học, còn bao nhiêu đảng viên ở lớp đầu tiên chưa được nêu danh. Chúng ta cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu xác minh.

Chắc chắn còn nhiều tư liệu, nhiều vấn đề liên quan mà chúng ta chưa có điều kiện tiếp cận. Các tỉnh, thành cần có sự thống kê, thẩm định khoa học và công bố danh tính những đảng viên cộng sản lớp đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là sự tôn vinh và tri ân của cả dân tộc đối với những đảng viên đầu tiên đã sẵn sàng xả thân vì nền độc lập của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân. Đồng thời giáo dục truyền thống vẻ vang của Đảng và nhắc nhở thế hệ hôm nay kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng mà thế hệ đảng viên đầu tiên đã khai phá.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*. CTQG, H, 1998, T.2, tr. 21, 23

3. Sdd, T.4, tr. 409.